

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HS-ST

Ngày: 21/5/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên;
2. Ông Nguyễn Văn Nô.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2020/QĐXXST-HS ngày 05/5/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Bảo K, sinh ngày 10/10/1997, nơi sinh: Tân Châu - An Giang; nơi cư trú (ĐKHKT): Khóm LQ A, phường LP, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 06/12; Giới tính: nữ; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: đạo phật; con ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1962 và Đặng Thị Bích T, sinh năm 1968; chồng Phan Thành D, có 01 con sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp PA B, xã PV, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, có mặt.

Người làm chứng:

- Huỳnh Nhật U, vắng mặt;
- Phan Thành D, có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 03/02/2020, chị Nguyễn Thị Thùy D đi đến cửa hàng “Kim Phúc” thuộc ấp PA A, xã PV, thị xã Tân Châu, để lấy lại chiếc nhẫn vàng 24kara, trọng lượng 02 chỉ, đã cầm cho cửa hàng. Chị D đưa biên nhận và số tiền 8.020.000 đồng cho chị Huỳnh Nhật U (nhân viên bán hàng), chị U lấy chiếc nhẫn để vào túi giấy màu trắng, đưa lại cho chị D, chị D để chiếc nhẫn trên tủ kính trưng bày trang sức và xem trang sức đang trưng bày trong tủ. Thời gian này, Nguyễn Thị Bảo K và bà Đặng Thị Bích T (mẹ ruột của K) đang đứng xem trang sức, K nhìn thấy túi giấy đựng nhẫn vàng của chị D đang để trên tủ kính, K nảy sinh ý định lấy trộm, K liền quan sát xung quanh, thấy không có ai để ý, K dùng tay phải kéo rê túi giấy đựng vàng về phía mình và lấy túi giấy bỏ vào túi áo đang mặc trên người. Sau đó, K cùng bà T đi về nhà K tại phường LP, thị xã Tân Châu. Về đến nhà, K sợ hành vi lấy trộm vàng bị phát hiện, nên K nói dối với bà T và anh Phan Thành D (chồng của K) nhặt được một chiếc nhẫn vàng 24kara tại cửa hàng “Kim Phúc”, nghi K nói thật, anh D kêu K đem chiếc nhẫn vàng đến giao nộp cho Công an xã PV, thị xã Tân Châu, nhưng K chưa giao nộp. Ngay sau đó, chị D phát hiện bị mất chiếc nhẫn, nên chị nói với chị U, chị U xem lại camera của cửa hàng, nhìn thấy K đã lấy trộm chiếc nhẫn vàng, chị D đến Công an xã PV trình báo sự việc trên. Vào khoảng 20 giờ cùng ngày, Công an xã PV mời K về trụ sở để làm việc và K thừa nhận đã lấy trộm tài sản của chị D. Đồng thời, K tự nguyện giao nộp chiếc nhẫn đã lấy trộm của chị D cho Công an xã PV, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24kara, loại nhẫn tròn, trọng lượng 02 chỉ, mặt trong chiếc nhẫn có khắc chữ và số “TR HUNG 999 20” (đã giao trả cho bị hại);

Kết luận định giá tài sản số 05/KL-TTHS ngày 12/02/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Tân Châu, kết luận: Một chiếc nhẫn vàng 24kara, loại nhẫn tròn trơn, trọng lượng 02 chỉ, mặt trong chiếc nhẫn có khắc chữ và số “TR HUNG 999 20”. Trị giá: 8.700.000 đồng.

Ngày 18/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can Nguyễn Thị Bảo K và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 14 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Bảo K về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã Tân Châu, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên.

Bị hại chị Nguyễn Thị Thùy D và những người làm chứng chị Huỳnh Nhật U và anh Phan Thành D, trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Hiện, chị D đã nhận lại chiếc nhẫn vàng bị mất trộm, chị không yêu cầu K phải bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa,

Bị cáo K khai nhận, hành vi lấy trộm tài sản chiếc nhẫn vàng 24kara, loại nhẫn tròn trơn, trọng lượng 02 chỉ, mặt trong chiếc nhẫn có khắc chữ và số “TR HUNG 999 20” của bị hại Thùy D.

Anh Phan Thành D giữ nguyên ý kiến trình bày giai đoạn điều tra.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm luận tội: Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị Bảo K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các người làm chứng trong quá trình điều tra cùng các vật chứng được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo K lén lút chiếm đoạt một chiếc nhẫn vàng 24kara, loại nhẫn tròn trơn, trọng lượng 02 chỉ, mặt trong chiếc nhẫn có khắc chữ và số “TR HUNG 999 20”, trị giá 8.700.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu truy tố đối với bị cáo K là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố.

Hành vi phạm tội của bị cáo K đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm răn đe, giáo dục phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo chưa có tiền án tiền sự, trình độ học vấn thấp nhận thức pháp luật hạn chế, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét khi lượng hình.

Về hình phạt

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bảo K từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm.

Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24kara, loại nhẫn tròn trơn, trọng lượng 02 chỉ, mặt trong chiếc nhẫn có khắc chữ và số “TR HUNG 999 20” đã giao trả cho bị hại, nên không đề cập đến.

Về Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường, nên không đề cập.

Trong phần tranh luận, bị cáo K không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý theo Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến khác. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo K nói lời sau cùng, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo Nguyễn Thị Bảo K bị Cơ quan điều tra - Công an thị xã Tân Châu khởi tố về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” xảy ra tại khu vực ấp PA A, xã PV, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[3] Sự vắng mặt của bị hại Nguyễn Thị Thùy D; người làm chứng Huỳnh Nhật U đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

- Về nội dung:

[1] Hành vi phạm tội:

Bị cáo Nguyễn Thị Bảo K khai nhận, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 16 giờ ngày 03/02/2020, bị cáo K và bà Đặng Thị Bích T (mẹ ruột của K) đang đứng xem trang sức, bị cáo K nhìn thấy túi giấy đựng nhẫn vàng của chị Nguyễn Thị Thùy D đang để trên tủ kính, không người trông giữ nên bị cáo K nảy sinh ý định lấy trộm, bị cáo K quan sát xung quanh, thấy không có ai để ý, bị cáo K dùng tay phải kéo túi giấy chứa vàng về gần người rồi bỏ vào túi áo đang mặc trên người. Sau khi, lấy trộm tài sản của chị D, bị cáo cùng với bà T đi về nhà bị cáo tại phường LP, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Về đến nhà, bị cáo K sợ hành vi lấy trộm vàng bị phát hiện, nên bị cáo K nói dối với bà T và anh Phan Thành D (chồng của K) nhặt được một chiếc nhẫn vàng 24kara tại cửa hàng “Kim Phúc”. Vào khoảng 20 giờ cùng ngày, Công an xã PV mời bị cáo K về trụ sở để làm việc và bị cáo K thừa nhận đã lấy trộm tài sản của chị D. Đồng thời, bị cáo K tự nguyện giao nộp chiếc nhẫn đã lấy trộm của chị D cho Công an xã PV, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Tài sản bị cáo K lấy trộm trị giá 8.700.000 đồng (theo kết luận định giá tài sản số 05/KL-TTHS ngày 12/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự).

Lời khai của bị cáo có lấy trộm một chiếc nhẫn vàng 24kara, trọng lượng 02 chỉ của chị Thùy D phù hợp với lời khai bị hại chị D; phù hợp lời khai các người làm chứng Huỳnh Nhật U, Phan Thành D; phù hợp biên bản tiếp nhận tin báo về tội phạm ngày 03/02/2020 và các chứng cứ được thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Đủ căn cứ kết luận bị cáo K có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Huỳnh Thị Thùy D, trị giá 8.700.000 đồng là xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác.

Bị cáo K có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 20/CT-VKSTC ngày 14/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu truy tố hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Bảo K là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

An ninh trật tự là vấn đề đặc biệt và cần quan tâm, mọi người cùng nhau giữ gìn trật tự chung ở địa phương, bảo vệ tài sản của nhau.

Tài sản của chị Thùy D thuộc quyền sở hữu của chị Thùy D, bất kỳ ai xâm hại sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Bị cáo K là người đã trưởng thành có sức khỏe, có khả năng lao động. Lẽ ra, bị cáo phải tích cực lao động để tạo thu nhập chi phí cho bản thân và phụ giúp gia đình. Ngược lại, bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật.

[2] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: không.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo K có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; ngoài lần phạm tội này, bị cáo không có tiền án, tiền sự; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, trình độ học vấn thấp nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Hình phạt:

- Về hình phạt chính: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét, không nhất thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, có thể để bị

cáo tự lao động dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục. Cho bị cáo hưởng án treo.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường LP, thị xã Tân Châu trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật T hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Xét, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24kara, loại nhẫn tròn, trọng lượng 02 chỉ, mặt trong chiếc nhẫn có khắc chữ và số “TR HUNG 999 20”, bị hại đã nhận lại giai đoạn điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị lấy trộm, không có yêu cầu khác nên không đề cập giải quyết.

[6] Các vấn đề khác: Theo biên bản xác minh ngày 05/02/2020, bà Đặng Thị Bích T, sinh năm 1968 (mẹ ruột của bị cáo K) có nơi cư trú tại khóm LT A, phường LT, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng hiện tại bà T vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã Tân Châu chưa ghi được lời khai của bà T. Tuy nhiên, việc bà T vắng mặt không ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của bị cáo K.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Bảo K phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bảo K phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

Xử phạt: Nguyễn Thị Bảo K 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo;

Thời hạn thử thách của bị cáo là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án 21/5/2020 (hai mươi một, tháng năm, năm hai nghìn không trăm hai mươi).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bảo K cho Ủy ban nhân dân phường LP, thị xã Tân Châu giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường LP, thị xã Tân Châu trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thị Bảo K phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, chị D có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thị xã (1);
- Viện KSND tỉnh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giam (1);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thị xã (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Bạch Tuyết